Thủ tục dự phòng thông qua Hệ thống ACTS trong trường hợp Hệ thống ACTS không hoạt động (thủ tục quá cảnh hàng hóa ACTS dự phòng)

1. Trình tự thực hiện:

a) Thủ tục quá cảnh hàng hóa ACTS dự phòng tại Chi cục hải quan quá cảnh:

Bước 1: Người khai hải quan xuất trình hàng hóa kèm theo TAD và hồ sơ liên quan cho Chi cục hải quan quá cảnh;

Bước 2: Chi cục hải quan kiểm tra nguyên trạng hàng hóa; kiểm tra niêm phong hải quan hoặc niêm phong đặc biệt đối với trường hợp hàng hóa quá cảnh của doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên; đối chiếu số niêm phong trên TAD với số niêm phong trên phương tiện vận tải, container chứa hàng hóa quá cảnh;

Nếu kết quả kiểm tra, đối chiếu phù hợp, Chi cục hải quan thực hiện phê duyệt, ghi nhận kết quả và thực hiện ký tên, đóng dấu vào mặt sau của TAD; lưu 01 bản chụp TAD đã được phê duyệt, ký tên, đóng dấu; trả người vận chuyển bản chính TAD để tiếp tục hành trình quá cảnh;

Trường hợp kết quả kiểm tra, đối chiếu không phù hợp, Chi cục trưởng Chi cục hải quan căn cứ mức độ không phù hợp để xem xét, quyết định việc kiểm tra thực tế hàng hóa.

Khi kiểm tra thực tế hàng hóa, Chi cục hải quan kiểm tra thông tin trên chứng từ TAD và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan với thực tế hàng hóa, nếu kết quả kiểm tra thực tế phù hợp với khai báo thì Chi cục hải quan thực hiện tiếp Bước 3. Trường hợp kết quả kiểm tra thực tế không phù hợp với nội dung khai báo trên TAD, giao Chi cục trưởng Chi cục hải quan căn cứ thực tế kết quả kiểm tra để xem xét, quyết định việc tiếp tục thủ tục quá cảnh hoặc dừng làm thủ tục quá cảnh.

Bước 3: Thực hiện niêm phong hàng hóa sau khi kết thúc kiểm tra thực tế trong trường hợp hàng hóa được phép tiếp tục vận chuyển đến điểm đích và cập nhật số niêm phong mới vào bản chính TAD.

b) Thủ tục quá cảnh hàng hóa ACTS dự phòng tại cơ quan hải quan điểm đích:

Bước 1: Người vận chuyển phải xuất trình hàng hóa kèm theo TAD (bản chính) cho cơ quan hải quan;

Bước 2: Chi cục hải quan kiểm tra nguyên trạng hàng hóa; kiểm tra niêm phong hải quan hoặc niêm phong đặc biệt đối với trường hợp hàng hóa quá cảnh của doanh nghiệp ưu tiên; đối chiếu số niêm phong trên TAD với số niêm phong trên phương tiện vận tải, container chứa hàng hóa quá cảnh;

Nếu kết quả kiểm tra phù hợp, cơ quan hải quan thực hiện phê duyệt, ghi nhận kết quả và thực hiện ký tên, đóng dấu vào mặt sau của TAD; lưu 01 bản chụp TAD đã được phê duyệt, ký tên, đóng dấu; trả người vận chuyển bản chính TAD để kết thúc hành trình quá cảnh và thực hiện thủ tục tiếp theo (thủ tục nhập khẩu, quá cảnh sang các nước ngoài ASEAN);

Trường hợp kết quả kiểm tra, đối chiếu quy định tại điểm b khoản này không phù hợp, Chi cục hải quan căn cứ mức độ không phù hợp để xem xét, quyết định việc kiểm tra thực tế hàng hóa.

Bước 3: Khi kiểm tra thực tế hàng hóa, Chi cục hải quan kiểm tra thông tin trên TAD và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan với thực tế hàng hóa, nếu kết quả kiểm tra thực tế phù hợp với khai báo thì cơ quan hải quan thực hiện phê duyệt, ghi nhận kết quả và thực hiện ký tên, đóng dấu vào mặt sau của TAD; lưu 01 bản chụp TAD đã được phê duyệt, ký tên, đóng dấu; trả người vận chuyển bản chính TAD để kết thúc hành trình quá cảnh và thực hiện thủ tục tiếp theo (thủ tục nhập khẩu, quá cảnh sang các nước ngoài ASEAN);

Trường hợp kết quả kiểm tra thực tế không phù hợp với nội dung khai báo trên TAD thì thực hiện xử lý vi phạm và giao Chi cục trưởng Chi cục hải quan căn cứ thực tế kết quả kiểm tra để xem xét, quyết định cho phép thực hiện thủ tục tiếp theo (thủ tục nhập khẩu, quá cảnh sang các nước ngoài ASEAN).

2. Cách thức thực hiện: Chi cục hải quan kiểm tra nguyên trạng hàng hóa; kiểm tra niêm phong hải quan hoặc niêm phong của doanh nghiệp đối với trường hợp hàng hóa quá cảnh của doanh nghiệp ưu tiên; đối chiếu số niêm phong trên TAD với số niêm phong trên phương tiện vận tải, container chứa hàng hóa quá cảnh.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

**** Thành phần hồ sơ:*** TAD

**** Số lượng hồ sơ:*** 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: kiểm tra đối chiếu ngay sau khi người khai hải quan xuất trình TAD

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân thực hiện quá cảnh hàng hóa thông qua Hệ thống ACTS.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục hải quan thực hiện phê duyệt, ghi nhận kết quả và thực hiện ký tên, đóng dấu vào mặt sau của TAD. Cơ quan hải quan điểm đích phải gửi "thông báo hàng đến" và "các kết quả kiểm tra" cho cơ quan hải quan nơi đi để xác nhận kết thúc hoạt động quá cảnh

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: TAD.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hải quan năm 2014;

- Điều 17 Nghị định số 46/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN để thực hiện Nghị định thư 7 về Hệ thống quá cảnh Hải quan.

- Thông tư số 42/2020/TT-BTC ngày 22/05/2020 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ để thực hiện thủ tục quá cảnh hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 46/2020/NĐ-CP.

PHỤ LỤC III

MẪU CHỨNG TỪ IN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BTC ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	**Tên chứng từ**
1	Tờ khai quá cảnh hải quan đã được cơ quan hải quan nơi đi phê duyệt (TAD).

HỆ THỐNG QUÁ CẢNH HẢI QUAN ASEAN- ACTS

<table>
<tr><td rowspan="2"></td><td colspan="2">2 Người xuất khẩu TIN</td><td colspan="2">1 Tờ khai
Loại hình</td><td rowspan="4"></td></tr>
<tr><td rowspan="3">CHỨNG TỪ ĐÍNH KÈM QUÁ CẢNH (TAD)</td><td colspan="2"></td><td colspan="2">2 Mẫu</td></tr>
<tr><td colspan="2"></td><td>4 Tổng số mặt hàng</td><td>5 Tổng số kiện</td></tr>
<tr><td colspan="2">6 Người nhập khẩu TIN</td><td colspan="2">7 Tổng trọng lượng (kg)
8 Ngày khởi hành dự kiến
9 Ngày giải phóng hàng</td></tr>
<tr><td colspan="2">10 Thông tin doanh nghiệp/ thông tin liên hệ chi tiết</td><td colspan="3">11 Nước quá cảnh đề xuất
12 Nước đến</td></tr>
<tr><td colspan="2">13 Số hiệu phương tiện vận chuyển</td><td>14 Container □</td><td colspan="3" rowspan="4">15 CƠ QUAN KHỞI HÀNH</td></tr>
<tr><td colspan="2">16 Quốc tịch của phương tiện vận chuyển</td></tr>
<tr><td>17 Phương thức vận chuyển</td><td>18 Nơi xếp hàng</td></tr>
<tr><td></td><td>19 Cơ quan xuất cảnh</td><td>20 Địa điểm của hàng hóa</td></tr>
<tr><td rowspan="4">21 số container, ký hiệu, số kiện hàng, số & loại kiện hàng, mô tả hàng hóa</td><td colspan="2" rowspan="2"></td><td rowspan="2">22. Tên hàng số</td><td>23 Mã Hàng hóa</td><td>24 Mã tiền tệ</td></tr>
<tr><td colspan="2">25 Giá trị hóa đơn</td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="3"></td><td>26 Tổng trọng lượng (kg)</td><td>27 Trọng lượng tịnh (kg)</td></tr>
<tr><td colspan="2">28 Đơn vị bổ sung</td></tr>
<tr><td>29 Nước xuất xứ</td><td>30 Mã nước xuất xứ</td></tr>
</table>

31 Thông tin khác gồm trách nhiệm đối với hàng hóa theo từng yêu cầu cụ thể				
32 Thay đổi phương tiện vận tải/container	Nơi và nước	Mã	Nơi và nước	Mã
	Số hiệu và nước của phương tiện vận chuyển mới	Mã	Số hiệu và nước của phương tiện vận chuyển mới	Mã
	Container mới (có/ không)? số hiệu container mới □		Container mới (có/ không)? Nhận dạng container mới □	
33 CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	Kẹp chì mới số: số seri: Tên và chữ ký Dấu		Kẹp chì mới số: số seri: Tên và chữ ký Dấu	
	34 Người vận chuyển TIN Trình bởi Địa điểm và ngày:		35 Sự cố khác trong quá trình vận chuyển; chi tiết và biện pháp đã thực hiện Chi tiết khác: □	36 XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

37 Cơ quan quá cảnh hải quan dự kiến						

38 Thông tin bảo lãnh	39 Nước không có giá trị bảo lãnh (mã)	40 Cơ quan hải quan tại nước đến
41 QUẢN LÝ BỞI CƠ QUAN HẢI QUAN TẠI NƯỚC XUẤT KHẨU Kẹp chì đã đóng (số): Số serial: Thời hạn (Ngày)& Hành trình: Tên và chữ ký: Con dấu	42 QUẢN LÝ BỞI CƠ QUAN HẢI QUAN TẠI NƯỚC XUẤT KHẨU Ngày đến: Kiểm tra kẹp chì: Ghi chú:	43 Đăng ký biên nhận số: Tên&Chữ ký Con dấu

HỆ THỐNG QUÁ CẢNH HẢI QUAN ASEAN- ACTS

DANH SÁCH CÁC MỤC

<table>
<tr><td></td><td colspan="2">34 Người vận chuyển TIN</td><td>3 Mẫu</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td rowspan="5">21 Số container, ký hiệu, số kiện hàng, số & loại kiện hàng, mô tả hàng hóa</td><td colspan="2" rowspan="2"></td><td rowspan="2">22. Tên hàng số</td><td colspan="2">23 Mã Hàng hóa</td><td>24 Mã tiền tệ</td></tr>
<tr><td colspan="3">25 Giá trị hóa đơn</td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="3"></td><td rowspan="3"></td><td colspan="2">26 Tổng trọng lượng (kg)</td><td>27 Trọng lượng tịnh (kg)</td></tr>
<tr><td colspan="3">28 Đơn vị bổ sung</td></tr>
<tr><td colspan="2">29 Nước xuất xứ</td><td>30 Mã nước xuất xứ</td></tr>
<tr><td>31 Thông tin khác gồm trách nhiệm đối với hàng hóa theo từng yêu cầu cụ thể</td><td colspan="5"></td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="5">21 Số container, ký hiệu, số kiện hàng, số & loại kiện hàng, mô tả hàng hóa</td><td colspan="2" rowspan="5"></td><td rowspan="2">22. Tên hàng số</td><td colspan="2">23 Mã Hàng hóa</td><td>24 Mã tiền tệ</td></tr>
<tr><td colspan="3">25 Giá trị hóa đơn</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="2">26 Tổng trọng lượng (kg)</td><td>27 Trọng lượng tịnh (kg)</td></tr>
<tr><td rowspan="2"></td><td colspan="3">28 Đơn vị bổ sung</td></tr>
<tr><td colspan="2">29 Nước xuất xứ</td><td>30 Mã nước xuất xứ</td></tr>
<tr><td>31 Thông tin khác gồm trách nhiệm đối với hàng hóa theo</td><td colspan="5"></td><td></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td>từng yêu cầu cụ thể</td><td colspan="4"></td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="5">21 Số container, ký hiệu, số kiện hàng, số & loại kiện hàng, mô tả hàng hóa</td><td rowspan="5"></td><td rowspan="2">22. Tên hàng số</td><td>23 Mã Hàng hóa</td><td>24 Mã tiền tệ</td></tr>
<tr><td colspan="2">25 Giá trị hóa đơn</td></tr>
<tr><td></td><td>26 Tổng trọng lượng (kg)</td><td>27 Trọng lượng tịnh (kg)</td></tr>
<tr><td rowspan="2"></td><td colspan="2">28 Đơn vị bổ sung</td></tr>
<tr><td>29 Nước xuất xứ</td><td>30 Mã nước xuất xứ</td></tr>
<tr><td>31 Thông tin khác gồm trách nhiệm đối với hàng hóa theo từng yêu cầu cụ thể</td><td colspan="3"></td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="5">21 Số container, ký hiệu, số kiện hàng, số & loại kiện hàng, mô tả hàng hóa</td><td rowspan="5"></td><td rowspan="2">22. Tên hàng số</td><td>23 Mã Hàng hóa</td><td>24 Mã tiền tệ</td></tr>
<tr><td colspan="2">25 Giá trị hóa đơn</td></tr>
<tr><td></td><td>26 Tổng trọng lượng (kg)</td><td>27 Trọng lượng tịnh (kg)</td></tr>
<tr><td rowspan="2"></td><td colspan="2">28 Đơn Vị bổ sung</td></tr>
<tr><td>29 Nước xuất xứ</td><td>30 Mã nước xuất xứ</td></tr>
<tr><td>31 Thông tin khác gồm trách nhiệm đối với hàng hóa theo từng yêu cầu cụ thể</td><td colspan="3"></td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="3">21 Số container, ký hiệu, số kiện hàng, số & loại kiện hàng, mô tả hàng hóa</td><td rowspan="3"></td><td rowspan="3">22. Tên hàng số</td><td>23 Mã Hàng hóa</td><td>24 Mã tiền tệ</td></tr>
<tr><td colspan="2">25 Giá trị hóa đơn</td></tr>
</table>

			26 Tổng trọng lượng (kg)	27 Trọng lượng tịnh (kg)
			28 Đơn Vị bổ sung	
			29 Nước xuất xứ	30 Mã nước xuất xứ
31 Thông tin khác gồm trách nhiệm đối với hàng hóa theo từng yêu cầu cụ thể				